

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671010 - Xác suất thống kê
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Kiều Bá	Hoàng	3472020039	02/09/1992	2,00	,00	,60	
2	Trương Hoài	Ân	3671010035	18/06/1994	4,00	6,00	5,40	
3	Cù Phạm Huy	Đại	3671010119	14/10/1993	2,50	2,00	2,20	
4	Lâm Hoài	Thanh	3671010130	24/03/1992	3,00	6,00	5,10	
5	Đỗ Thị Hoài	Thu	3671010131	15/01/1994	3,50	4,00	3,90	
6	Nguyễn Tấn	Danh	3671010142	10/03/1994	2,00	2,00	2,00	
7	Vũ Hoàng	Linh	3671010149	09/12/1993	3,50	3,00	3,20	
8	Phan Thị Huyền	Linh	3671010160	18/10/1994	1,00	,00	,30	
9	Võ Thị Ngọc	Hạ	3671010181	01/12/1994	4,50	5,50	5,20	
10	Dương Thị Ngọc	Phượng	3671010189	07/07/1993	3,50	1,00	1,80	
11	Nguyễn Lê Nhật	Vi	3671010201	03/07/1994	2,50	6,00	5,00	
12	Phạm Hứa Mỹ	Trinh	3671010202	23/12/1994	5,00	3,50	4,00	
13	Lê Trọng	Nghĩa	3671010249	27/08/1993	1,00	,00	,30	
14	Đặng Lê	Hoàng	3671010272	19/01/1994	2,50	2,50	2,50	
15	Đào Thị Bảo	Yến	3671010290	10/01/1994	3,50	5,50	4,90	
16	Dương Đặng Ngọc	Hiếu	3671010307	26/11/1994	,00	,00	,00	
17	Nguyễn Loan	Thảo	3671010348	06/12/1994	5,50	5,00	5,20	
18	Phan Thị Bích	Vân	3671010360	21/05/1994	2,00	,00	,60	
19	Lý Thanh	Ngân	3671010373	31/12/1994	4,50	7,00	6,30	
20	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	3671010374	20/03/1993	3,00	3,00	3,00	
21	Tào Kiến	Thành	3671010395	30/07/1994	3,00	2,50	2,70	
22	Võ Lê Mỹ	Nhi	3671010418	24/06/1994	4,00	4,00	4,00	
23	Nguyễn Thị Thanh	Nguyệt	3671010423	15/09/1994	3,50	,00	1,10	
24	Quách Đại	Phước	3671010431	25/04/1994	2,50	2,50	2,50	
25	Phạm Minh	Vương	3671010432	21/07/1994	4,00	3,50	3,70	
26	Nguyễn Văn	Năng	3671010453	25/02/1992	3,50	3,50	3,50	
27	Thái Thị Thanh	Hương	3671010490	24/12/1993	3,50	2,50	2,80	
28	Trần Quang	Danh	3671010521	01/06/1994	2,50	4,00	3,60	
29	Đinh Thị Kiều	Viễn	3671010550	06/11/1994	3,00	4,00	3,70	
30	Trần Kỳ	Huy	3671010578	09/07/1994	3,00	5,00	4,40	
31	Trần Lương	Tuấn	3671010583	20/04/1994	1,00	,00	,30	
32	Nguyễn Đức	Dinh	3671010595	07/07/1994	,00	,00	,00	
33	Đoàn Trọng	Tài	3671010597	20/02/1994	1,00	,00	,30	
34	Đặng Duy	Phát	3671011128	03/01/1994	2,50	,00	,80	
35	Bùi Ngọc	Trí	3671011193	03/04/1993	1,50	,00	,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Dương Thị Ngọc	Huyền	3671011247	26/06/1994	,00	,00	,00	
37	Trừ Văn	Tuấn	3671011281	28/03/1994	2,50	2,50	2,50	
38	Lê Thị Thu	Nga	3671011477	18/03/1994	2,00	,00	,60	
39	Nguyễn Thành	Trung	3671011515	17/08/1994	,00	,00	,00	
40	Dương Nguyễn Hồng	Đào	3671011556	07/12/1994	2,50	,50	1,10	
41	Huỳnh Tấn	Phát	3671011566	29/10/1994	1,00	,00	,30	
42	Võ Văn	Nhớ	3671011828	1993	5,50	7,00	6,60	
43	Phạm Văn	Thôi	3671011862	25/12/1993	4,00	,00	1,20	
44	Phan Thị Hồng	Phương	3671011907	07/08/1994	3,00	2,50	2,70	
45	Huỳnh Đình Nhân	Vị	3671011912	30/10/1994	2,00	,00	,60	
46	Trần Thị Anh	Đào	3671012035	17/10/1994	1,50	3,00	2,60	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)